

Số/ No.:

20250520/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2025
Ho Chi Minh City, May 20, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUEKIVFS
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Supervisory Bank: Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 19/05/2025
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit*: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	5,000	9.35%
2	AGR	100	0.11%
3	BIC	100	0.26%
4	BID	300	0.81%
5	BMI	100	0.16%
6	BSI	100	0.34%
7	BVH	100	0.35%
8	CTG	1,000	2.87%
9	CTS	100	0.26%
10	DSE	200	0.35%
11	EIB	2,000	2.86%
12	EVF	1,000	0.73%
13	FTS	200	0.53%
14	HCM	500	0.97%
15	HDB	3,300	5.32%
16	LPB	3,500	9.39%
17	MBB	4,100	7.43%
18	MIG	100	0.12%
19	MSB	2,900	2.50%
20	NAB	1,500	1.87%
21	OCB	1,800	1.44%
22	ORS	400	0.26%
23	SHB	4,300	4.25%
24	SSB	2,300	3.21%
25	SSI	1,700	2.96%
26	STB	2,400	7.02%
27	TCB	5,700	12.34%
28	TCI	100	0.06%
29	TPB	1,600	1.60%
30	TVS	100	0.13%
31	VCB	1,100	4.65%
32	VCI	500	1.38%
33	VDS	100	0.11%
34	VIB	2,600	3.50%
Tiền/ Cash (VND)		9,292,552	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND)

1,351,401,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: (VND)

1,360,693,552

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: (VND)

9,292,552

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	24,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BIC	35,550	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BID	34,950	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
4	BSI	44,800	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
5	BVH	47,500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
6	VCB	57,000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
7	VCI	37,000	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i> 19/05/2025	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i> 16/05/2025	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	21,500,000	21,500,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	13,650.00	13,780.00	(130)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	292,549,113,713	297,228,071,462	(4,678,957,749)
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,360,693,552	1,382,456,146	(21,762,594)
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	13,606.93	13,824.56	(217.63)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	2,319.45	2,355.74	(36.29)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

18/05/2025

/ Item 5 is net asset value at 18/05/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

15/05/2025

/ Item 5 is net asset value at 15/05/2025



Yun Hang Jin
TỔNG GIÁM ĐỐC